TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2018
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Hảo

2. Ông Phan Hữu Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐ ST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Diếp Văn N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bà L có mặt, ông N vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: xin ly hôn với ông N; Về con chung: con chung đã trưởng thành nên không có yêu cầu; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên ông N không có lời trình bày.

Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau: Bà và ông N tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự tìm hiểu nhau thời gian khoảng 01 năm, hai người không tổ chức lễ cưới, sống với nhau từ tháng 12 năm 1995; Năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 80 quyển số 01 ngày 11/11/2002. Sau khi cưới, vợ chồng bà về sinh sống tại ấp G, xã H huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc không lâu, từ năm 2007 ông N thường xuyên rượu chè và kiếm chuyện đánh đập mẹ con bà, trong đó có cả con riêng của bà; Ông N bỏ mặc kinh tế gia đình cho bà chăm lo, tiền ông N kiếm được chỉ sử dụng tiêu xài cá nhân. Bà đã cố gắng khuyên ông N nhưng không có kết quả, bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân với ông N không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng vì thương con nên bà vẫn tiếp tục chung sống với ông N. Nay các con của bà đã lớn, bà quyết định ly hôn, từ khi bà nộp đơn ly hôn ông N cũng không có thành ý sẽ hàn gắng gia đình hay bàn bạc với bà để giải quyết vấn đề mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Bà và ông N có một con chung tên Diếp Thị Ngọc T sinh ngày 26/9/1997 hiện nay đã có chồng và ở riêng. Về tài sản chung thì có căn nhà lá đã cũ nhưng không yêu cầu giải quyết, về nợ chung thì không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

Về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ: Nguyên đơn đã giao nộp: bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung, xác nhận về cư trú ông N, bản tự khai, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà L. Các tài liệu chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà L yêu cầu ly hôn với ông N; ông N có nơi cư trú tại ấp G, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

[2] Về tố tụng: Ông N đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông N là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của bà L và ông N là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2002 theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Bà L xác định từ năm 2007 bà và ông N sống không có hạnh phúc vì ông N không chăm lo cho gia đình mà còn thường xuyên rượu chè, đánh đập bà và con riêng của bà, đây là một trong những hành vi bị cấm theo Điều 5 Luật hôn nhân gia đình; Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định cho ông N nhưng ông N cũng không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không quan tâm đến việc bà L yêu cầu ly hôn mà có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho bà L tự định đoạt. Tại phiên tòa bà L cũng xác định đã không còn tình cảm với ông N và kiên quyết yêu cầu được ly hôn.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà L và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập đến.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà L xác định không có nợ chung, tài sản chung thì không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, trường hợp sau này ông N có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn của bà L.

[6] Về án phí: Do bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bà L không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 5, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Diếp Văn N.

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 07/12/2017 theo biên lai thu tiền số 0004650 sang tiền án phí.

Báo cho bà L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Hưng Điền A;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu